

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.53A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: A3

Thời gian: 18h30 - Ngày 27/9/2018 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Nguyễn Bảo	Anh	20/06/1997	Đà Nẵng	K21NAD2	2121316952	ITA.53A				K nộp đơn k dự thi
2	Lê Kế Quốc	Chính	05/02/1997	Bình Định	K21YDH12	2121524477	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám, Ba	
3	Nguyễn Xuân	Chính	18/11/1995	Đà Nẵng	K19NAB4	1921318030	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	8,8	Tám, Tám	
4	Nguyễn Lê Nhật	Duân	16/03/1997	Đà Nẵng	K21YDH12	2121529581	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
5	Nguyễn Hữu Huỳnh	Đức	04/10/1997	Quảng Bình	K21KKT3	2121253891	ITA.53A				K nộp đơn k dự thi
6	Bùi Thị Thủy	Dung	10/05/1996	Quảng Trị	K21NAB4	2120315200	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	3,0	Ba, 0	
7	Phạm Thủy	Dương	08/09/1996	Đà Nẵng	K21NAB1	2120318496	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,5	Chín, năm	
8	Phạm Thị Thu	Hà	05/09/1997	Đà Nẵng	K21DLK11	2120715597	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,8	Chín, Tám	K nộp đơn k dự thi
9	Lê Ngọc	Hải	22/05/1996	Đà Nẵng	K21TNM	2121656959	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
10	Trần Ngọc	Hải	26/11/1996	Hà Tĩnh	K20YDH3	2021526808	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,3	Chín, Ba	
11	Nguyễn Thị	Hậu	21/04/1997	DakLak	K21NAB4	2120318105	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
12	Đào Thanh	Hương	29/10/1997	Quảng Trị	K21YDH11	2120528837	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
13	Mai Nhật	Linh	13/01/1997	Quảng Ngãi	K21TNM1	2121657399	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	8,5	Tám, năm	
14	Đoàn Thị Hồng	Loan	20/09/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120717899	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	8,3	Tám, Ba	
15	Nguyễn Thị Ly	Ly	15/09/1997	DakLak	K21NAD2	2120315249	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	7,0	Bảy, 0	
16	Nguyễn Thị Thảo	Ly	04/12/1997	Quảng Nam	K21TNM1	2120657857	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,3	Chín, Ba	
17	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/06/1996	Quảng Nam	K21TNM1	2120654959	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
18	Nguyễn Thị Trà	My	24/06/1997	Quảng Bình	K21NAD2	2120317135	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	7,5	Bảy, năm	
19	Võ Hồng	Ngân	06/06/1996	Quảng Nam	K21TNM	2120654957	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,5	Chín, năm	
20	Hoàng Lê Bảo	Ngọc	24/07/1997	Quảng Trị	K21YDH11	2120527653	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
21	Đầu Thị Mỹ	Nữ	16/10/1996	Quảng Nam	K21TNM1	2110623109	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	7,8	Bảy, Tám	
22	Lê Thị Kim	Oanh	17/09/1997	Gia Lai	K21YDH12	2120524752	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	7,8	Bảy, Tám	
23	Tường Thanh	Phương	26/03/1997	Quảng Nam	K21VLK6	2120867339	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,3	Chín, Ba	
24	Đỗ Thị Trúc	Quyên	20/06/1997	Bình Định	K21VLK6	2120866196	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	K nộp đơn k dự thi
25	Hoàng Lê	Quyên	15/09/1997	Quảng Ngãi	K21VLK6	2120867790	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,3	Chín, Ba	
26	Lương Thế	Son	20/10/1995	Đà Nẵng	K21VLK6	2121869464	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,0	Chín, 0	
27	Nguyễn Nhật	Tân	20/08/1996	Quảng Nam	K21VLK6	2121868219	ITA.53A	<i>[Signature]</i>	9,3	Chín, Ba	

	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
28	Hồ Thị Thu	Thảo	25/02/1997	Kon Tum	K21VLK6	2120869331	ITA.53A		8,0	Tạm y	
29	Mai Thị	Thảo	25/06/1996	Quảng Trị	K21YDH12	2120526685	ITA.53A		6,8	Sắc, Tạm	
30	Phan Hoàng Phương	Thảo	09/09/1997	Quảng Ngãi	K21YDH1	2120524775	ITA.53A				K nộp đơn k đc dự thi
31	Đỗ Hoài	Thi	17/06/1997	Quảng Ngãi	K21VLK6	2120866221	ITA.53A				V-1
32	Nguyễn Đoàn Minh	Thiên	20/01/1997	Quảng Nam	K21TNM1	2121658554	ITA.53A		9,5	Chính xác	
33	Đầu Thị Mỹ	Tiên	16/10/1996	Quảng Nam	K21TNM2	2110623107	ITA.53A		9,0	Chính y	
34	Nguyễn Chánh	Tín	19/10/1995	Đà Nẵng	K19EDT4	1921179593	ITA.53A		8,0	Tạm y	
35	Võ Cảnh	Toàn	10/08/1997	Bình Định	K21YDH12	2121524670	ITA.53A		8,0	Tạm y	
36	Trần Thị Tuyết	Trình	17/10/1997	Kon Tum	K21YDD3	2120518102	ITA.53A		8,3	Tạm, Ba	
37	Phạm Thị Thanh	Truyền	12/02/1997	Quảng Nam	K21TNM1	2120646494	ITA.53A		9,0	Chính y	
38	Võ Ngọc	Tú	11/11/1996	Quảng Nam	K21TNM1	2121659506	ITA.53A		9,3	Chính, Ba	
39	Võ Thị Tuyết	Vân	12/01/1997	Đà Nẵng	K21TNM1	2120654955	ITA.53A		8,0	Tạm y	
40	Nguyễn Thị Tuyết	Vy	10/12/1997	Quảng Nam	K21DLK10	2120713494	ITA.53A		7,5	Bảng, nhận	
41	Nguyễn Hữu	Song	20/12/1994	Đà Nẵng	K18QTH1	1821216581	ITA.15A		5,5	Nam, nhận	Thi ghép
42											
43											
44											
45											
46											

Tổng số HV/Dự thi: ...

Vắng: ...

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT CƠ BẢN - KHÓA ITA.53A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: A2

Thời gian: 17h45 - Ngày 27/9/2018 - Phòng máy 507/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Nguyễn Bảo	Anh	20/06/1997	Đà Nẵng	K21NAD2	2121316952	ITA.53A				K nộp đơn k đề dự thi
2	Lê Kế Quốc	Chính	05/02/1997	Bình Định	K21YDH12	2121524477	ITA.53A	<i>con</i>	6.0	Sỏi y	
3	Nguyễn Xuân	Chính	18/11/1995	Đà Nẵng	K19NAB4	1921318030	ITA.53A	<i>chính</i>	6.5	Sỏi, nôm	
4	Nguyễn Lê Nhật	Đuân	16/03/1997	Đà Nẵng	K21YDH12	2121529581	ITA.53A	<i>man</i>	7.5	Bãi, nôm	
5	Nguyễn Hữu Huỳnh	Đức	04/10/1997	Quảng Bình	K21KKT3	2121253891	ITA.53A				K nộp đơn k đề dự thi
6	Bùi Thị Thùy	Dung	10/05/1996	Quảng Trị	K21NAB4	2120315200	ITA.53A	<i>ph</i>	6.3	Sỏi, Ba	
7	Phạm Thùy	Dương	08/09/1996	Đà Nẵng	K21NAB1	2120318496	ITA.53A	<i>Phu</i>	7.8	Bãi, Tân	
8	Phạm Thị Thu	Hà	05/09/1997	Đà Nẵng	K21DLK11	2120715597	ITA.53A	<i>thư</i>			K nộp đơn k đề dự thi
9	Lê Ngọc	Hải	22/05/1996	Đà Nẵng	K21TNM	2121656959	ITA.53A	<i>Rai</i>	9.0	Chín y	
10	Trần Ngọc	Hải	26/11/1996	Hà Tĩnh	K20YDH3	2021526808	ITA.53A	<i>Rai</i>	9.0	Chín y	
11	Nguyễn Thị	Hậu	21/04/1997	DakLak	K21NAB4	2120318105	ITA.53A	<i>th</i>	8.3	Tân, Ba	
12	Đào Thanh	Hương	29/10/1997	Quảng Trị	K21YDH11	2120528837	ITA.53A	<i>th</i>	6.8	Sỏi, Tân	
13	Mai Nhật	Linh	13/01/1997	Quảng Ngãi	K21TNM1	2121657399	ITA.53A	<i>Linh</i>	5.3	Nôm, Ba	
14	Đoàn Thị Hồng	Loan	20/09/1997	Đà Nẵng	K21DLK10	2120717899	ITA.53A	<i>th</i>	5.0	Nôm y	<i>đang nộp</i>
15	Nguyễn Thị Ly	Ly	15/09/1997	DakLak	K21NAD2	2120315249	ITA.53A	<i>th</i>	7.8	Bãi, Tân	
16	Nguyễn Thị Thảo	Ly	04/12/1997	Quảng Nam	K21TNM1	2120657857	ITA.53A	<i>th</i>	7.8	Bãi, Tân	
17	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/06/1996	Quảng Nam	K21TNM1	2120654959	ITA.53A	<i>th</i>	6.8	Sỏi, Tân	
18	Nguyễn Thị Trà	My	24/06/1997	Quảng Bình	K21NAD2	2120317135	ITA.53A	<i>th</i>	7.3	Bãi, Ba	
19	Võ Hồng	Ngân	06/06/1996	Quảng Nam	K21TNM	2120654957	ITA.53A	<i>th</i>	6.8	Sỏi, Tân	
20	Hoàng Lê Bảo	Ngọc	24/07/1997	Quảng Trị	K21YDH11	2120527653	ITA.53A	<i>Ngoc</i>	8.3	Tân, Ba	
21	Đầu Thị Mỹ	Nữ	16/10/1996	Quảng Nam	K21TNM1	2110623109	ITA.53A	<i>th</i>	8.0	Tân, Ba	
22	Lê Thị Kim	Oanh	17/09/1997	Gia Lai	K21YDH12	2120524752	ITA.53A	<i>th</i>	9.3	Chín, Ba	
23	Tường Thanh	Phương	26/03/1997	Quảng Nam	K21VLK6	2120867339	ITA.53A	<i>th</i>	8.5	Tân, Tân	
24	Đỗ Thị Trúc	Quỳnh	20/06/1997	Bình Định	K21VLK6	2120866196	ITA.53A	<i>Quynh</i>			K nộp đơn k đề dự thi
25	Hoàng Lê	Quỳnh	15/09/1997	Quảng Ngãi	K21VLK6	2120867790	ITA.53A	<i>th</i>	5.8	Nôm, Tân	
26	Lương Thế	Son	20/10/1995	Đà Nẵng	K21VLK6	2121869464	ITA.53A	<i>Son</i>	5.0	Nôm y	<i>đang nộp</i>
27	Nguyễn Nhật	Tân	20/08/1996	Quảng Nam	K21VLK6	2121868219	ITA.53A	<i>th</i>	5.8	Nôm, Tân	

Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
								Số	Chữ	
Hồ Thị Thu	Thảo	25/02/1997	Kon Tum	K21VLK6	2120869331	ITA.53A				Vũ
Mai Thị	Thảo	25/06/1996	Quảng Trị	K21YDH12	2120526685	ITA.53A	Thảo	7,5	Bảy năm	
Phan Hoàng Phương	Thảo	09/09/1997	Quảng Ngãi	K21YDH1	2120524775	ITA.53A				K nộp đơn k dự thi
Đỗ Hoài	Thi	17/06/1997	Quảng Ngãi	K21VLK6	2120866221	ITA.53A				Vũ
Nguyễn Đoàn Minh	Thiên	20/01/1997	Quảng Nam	K21TNM1	2121658554	ITA.53A	Ths	7,5	Bảy năm	
Đầu Thị Mỹ	Tiên	16/10/1996	Quảng Nam	K21TNM2	2110623107	ITA.53A	Ths	7,3	Bảy năm	
Nguyễn Chánh	Tín	19/10/1995	Đà Nẵng	K19EDT4	1921179593	ITA.53A		8,5	Tám năm	Mã số 42
Võ Cảnh	Toàn	10/08/1997	Bình Định	K21YDH12	2121524670	ITA.53A	Joan	7,5	Bảy năm	
Trần Thị Tuyết	Trình	17/10/1997	Kon Tum	K21YDD3	2120518102	ITA.53A	Trần	5,3	Năm Ba	
Phạm Thị Thanh	Truyền	12/02/1997	Quảng Nam	K21TNM1	2120646494	ITA.53A	Phạm	6,8	Sáu năm	
Võ Ngọc	Tú	11/11/1996	Quảng Nam	K21TNM1	2121659506	ITA.53A	Võ	5,5	Năm năm	
Võ Thị Tuyết	Vân	12/01/1997	Đà Nẵng	K21TNM1	2120654955	ITA.53A	Ulan	6,3	Sáu năm	
Nguyễn Thị Tuyết	Vy	10/12/1997	Quảng Nam	K21DLK10	2120713494	ITA.53A	Trần	5,8	Năm tám	
Nguyễn Hữu	Song	20/12/1994	Đà Nẵng	K18QTH1	1821216581	ITA.15A	Song	2,5	Hai năm	Thi ghép

Tổng số HV/Dự thi: ...16...

Vắng: ...5...